

Bản án số: 108/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HT, TỈNH TN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thạch.

2. Bà Võ Thị Trâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Sử Ngọc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT, tỉnh TN tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Du- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 222/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 64/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị Kim M.**, sinh năm 1985; Địa chỉ: Số 21, đường số 2 – Nguyễn Lương Bằng, ấp TA., xã TĐ, thị xã HT, tỉnh TN (Có đơn xin vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Ngọc C.**, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số 21, đường số 2 – Nguyễn Lương Bằng, ấp TA., xã TĐ, thị xã HT, tỉnh TN (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 13/7/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị HTKM trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc C. chung sống từ năm 2000, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2009 tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, thị xã HT, tỉnh TN. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2002 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C. không lo tu chí làm ăn, suốt ngày ham chơi, cờ bạc, không có trách nhiệm và ít đóng góp vào sinh hoạt, chi tiêu gia đình, bản thân chị là trụ cột kinh tế trong nhà và phải lo

cho cả 03 người con, gánh nặng đè lên vai chị, chị cảm thấy mệt mỏi. Cũng vì bản tính vô tâm, thiếu trách nhiệm trong vai trò làm chồng, làm cha đã làm cho vợ chồng bất hòa, dẫn đến cãi vã thường xuyên, thời gian mâu thuẫn kéo dài cho đến nay, đã làm cho tình trạng vợ chồng ngày càng rạn nứt và hôn nhân không có hạnh phúc. Cũng trong năm 2002, chị đã nộp đơn yêu cầu ly hôn với anh C. tại Tòa án nhân dân thị xã HT nhưng được cán bộ Tòa khuyên bảo nên chị cho anh C. cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng, đồng thời do thời điểm đó các con còn nhỏ nên chị đã cho anh C. thời gian để sửa đổi, đến nay đã gần 10 năm nhưng anh C. vẫn tính nết tật nấy và anh chị tuy sống chung nhà nhưng mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Do đó, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh C..

Về con chung: Anh chị chung sống có 03 con chung tên Nguyễn Hữu Th., sinh ngày 31/01/2000, Nguyễn Hữu K., sinh ngày 22/9/2002 và Nguyễn Thanh H., sinh ngày 09/11/2003. Khi ly hôn, do con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai khác nợ lại anh chị.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tiến hành giải quyết vụ án đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị M. có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh C. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị M. và anh C. theo quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chị HTKM và anh Nguyễn Ngọc C. chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do anh C. không tu chí làm ăn, ham mê cờ bạc, không phụ giúp chị M. về kinh tế gia đình, thiếu trách nhiệm với vợ con, chị M. đã nhiều lần cho anh C. cơ hội để sửa đổi nhưng vẫn không thay đổi, vợ chồng tuy sống chung nhà nhưng hiện tình cảm không còn, không ai quan tâm đến ai. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh C. vẫn vắng mặt không có lý do cho thấy anh C. không có thiện chí hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị M.. Xét thấy tình cảm vợ chồng của anh chị đã hết, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên chị M. yêu cầu ly hôn với anh C. là có căn cứ chấp nhận. Do đó, căn cứ Điều 51, 56 của

Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. đối với anh C..

Anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Hữu Th., sinh ngày 31/01/2000, Nguyễn Hữu K., sinh ngày 22/9/2002 và Nguyễn Thanh H., sinh ngày 09/11/2003. Các con đã thành niên, có đủ khả năng lao động tạo ra thu nhập nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị M. không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tính án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị HTKM có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Ngọc C. đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị M. và anh C. theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân của chị HTKM và anh Nguyễn Ngọc C., thấy rằng: Chị M. và anh C. chung sống với nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, thị xã HT, tỉnh TN ngày 22/5/2009. Sống hạnh phúc đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, chị M. cho rằng nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, mỗi người một tánh ý, chí hướng hoàn toàn khác nhau, không quan tâm, chăm sóc gia đình và suốt ngày ăn chơi, lêu lổng và anh chị đã không còn quan tâm, lo lắng, chăm sóc cho nhau gần 10 năm nay. Quá trình thu thập chứng cứ, Tòa án triệu tập hợp lệ anh C. nhiều lần để làm rõ nội dung đơn khởi kiện của chị M. nhưng anh C. vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Điều đó, chứng tỏ anh C. đã không còn tôn trọng và quan tâm đến quan hệ vợ chồng giữa anh và chị M.. Anh chị chung sống hạnh phúc thời gian ngắn, mâu thuẫn xảy ra nhưng anh chị đã không hàn gắn, không quan tâm giúp đỡ nhau trong thời gian chung sống. Nhận thấy, đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M. là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M. và anh C. có 03 con chung tên Nguyễn Hữu Th., sinh ngày 31/01/2000, Nguyễn Hữu K., sinh ngày 22/9/2002 và Nguyễn Thanh H., sinh ngày 09/11/2003. Do con chung đã thành niên, có đủ khả năng lao động tạo ra thu nhập nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị M. khai nhận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Chị M. phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã HT là phù hợp nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị HTKM đối với anh Nguyễn Ngọc C..

Chị HTKM được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc C..

2. Về con chung: Chị M. và anh C. có 03 con chung tên Nguyễn Hữu Th., sinh ngày 31/01/2000, Nguyễn Hữu K., sinh ngày 22/9/2002 và Nguyễn Thanh H., sinh ngày 09/11/2003. Do con chung đã thành niên, đủ khả năng lao động tạo ra thu nhập nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị HTKM khai nhận không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị HTKM phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M. đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số **0020907** ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh TN.

Chị HTKM và anh Nguyễn Ngọc C. vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND thị xã HT;
- CC.THADS thị xã HT;
- UBND xã TĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa